

MỐI QUAN HỆ GIỮA TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG LÀNG VỚI SỰ TỒN TẠI CỦA PHONG TỤC TẬP QUÁN VÀ CÁC LOẠI HÌNH VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ VIỆT NAM

Nguyễn Quang Khải*

Năm 1941, TS Nguyễn Văn Huyền công bố luận văn *Về một bản đồ phân bố thành hoàng ở tỉnh Bắc Ninh* trên tạp chí Viễn Đông Bác Cổ. Trong luận văn này, tác giả đã đưa ra số liệu rất chính xác về tình hình thờ thành hoàng ở tỉnh Bắc Ninh. Nhưng nội dung của luận văn được xây dựng trên cơ sở những bản kê khai của lý trưởng các làng, nên cách phân loại các loại thành hoàng chỉ đúng với quan niệm của người nông dân nông thôn đầu những năm 1940 của thế kỷ trước nhưng nó lại không chính xác trong thực tế, và vì vậy, những người nghiên cứu tín ngưỡng thờ thành hoàng dễ bị hiểu nhầm (trong trường hợp các vị thành hoàng là thần sông với các vị thành hoàng là nhân vật thời Lý). Nhưng dẫu sao đây cũng là một tư liệu rất quý giúp những thế hệ sau tìm hiểu tiếp về tình hình thờ thành hoàng ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Thừa hưởng những kết quả nghiên cứu của các bậc tiền bối, và đặc biệt từ những kết quả tìm hiểu trên thực địa, trong tham luận này, chúng tôi có ý định trình bày những kiến văn của mình về mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ thành hoàng làng với sự tồn tại của phong tục tập quán và các loại hình văn hoá truyền thống dân gian ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

Cơ sở thực tiễn để chúng tôi phát biểu suy nghĩ của mình về vấn đề này là sự tồn tại bền vững của làng cổ vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, của tín ngưỡng thờ thành hoàng làng và sự bền vững của phong tục tập quán và các loại hình văn hoá dân gian của các làng Việt cổ. Khi tiếp cận các đối tượng này, chúng tôi đặt chúng trong mối quan hệ qua lại với nhau và chú ý tìm ra khả năng chi phối và sự tác động qua lại giữa các yếu tố.

1. Chúng ta biết rằng tín ngưỡng thờ thành hoàng làng có nguồn gốc từ Trung Quốc. Nhưng vì quy mô và cơ cấu làng cổ Trung Quốc có nhiều điểm khác với làng cổ của Việt Nam, nên tín ngưỡng thờ thành hoàng của các làng Việt cổ cũng không giống tín ngưỡng thờ thành hoàng của làng cổ Trung Quốc. Thành hoàng của các làng Việt cổ không chỉ là và không phải là vị thần bảo vệ thành và hào của làng, mà đó là người - theo truyền thuyết - có công với dân với nước trong các cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc ngoại xâm, hoặc là người có công lập ra làng, có công truyền dạy một nghề nào đó cho dân làng, hoặc là một ông quan tốt (và một số vị tà thần - nhưng số này không nhiều).

*Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh

Tìm hiểu tình hình thờ thành hoàng làng ở các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, Hà Tây, Vĩnh Phúc... và một số làng ngoại thành Hà Nội, chúng tôi được biết việc thờ thành hoàng của nhiều làng thực ra là thờ một sức mạnh tự nhiên nào đó (như thần sông, thần núi, thần sấm, thần sét, thần mây, thần mưa). Trong số các vị thần này, nơi nào thờ loại thần gì là tùy thuộc vào đặc điểm cư trú của làng đó. Chẳng hạn, những làng ở hai bên bờ các con sông thường là thờ các vị thủy thần; những làng ở trên sườn núi thường thờ thần núi. Căn cứ vào cuốn *Trương tôn thần sự tích* thì vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, ngoại thành Hà Nội có đến 308 làng thờ thánh Tam Giang¹. Còn các làng miền núi của các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Hiệp Hoà,... thì thờ thần núi (mà trong *thần tích* thường gọi là Cao Sơn - Quý Minh Đại vương). Những vị thần này được lịch sử hoá bằng cách điển hình hoá thành những vị anh hùng, mà sự nghiệp của những anh hùng này được gắn liền với thời đại các vua Hùng.

Một số làng thờ những nhân vật lịch sử làm thành hoàng làng mình là những vị anh hùng dân tộc, có công đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành lại nền độc lập cho dân tộc, như các vị: Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Hoàn, Dương Đình Nghệ, Lê Văn Thịnh, Tô Hiến Thành, Lý Thường Kiệt, Trần Nhật Duật,...

Một số làng thờ vị có công truyền dạy cho dân làng một nghề thủ công nào đó, như vị tổ nghề gốm Bát Tràng, làng Phù Lãng là Hứa Vĩnh Kiều, vị tổ nghề đúc đồng ở Đại Bái là Nguyễn Công Truyền, ở Quảng Bô là Nguyễn Công Nghệ,...

Một số làng thờ những quan lại phương Bắc đã từng cai trị nước ta làm thành hoàng như: Triệu Đà, Sĩ Nhiếp, Cao Biền, Đào Hoàng,...

Tìm hiểu tín ngưỡng thờ thành hoàng của các làng cổ vùng đồng bằng Bắc Bộ chúng tôi cũng được biết hầu hết các làng đều thờ hai loại thành hoàng, trong đó một vị là biểu tượng của sức mạnh tự nhiên, một vị là nhân vật lịch sử hoặc người có công với làng.

Nhưng điều lý thú của tín ngưỡng thờ thành hoàng của các làng Việt cổ là ở chỗ, dù thời cuộc có biến đổi như thế nào, dù làng có chuyển nơi cư trú bao nhiêu lần, dù chính sách tôn giáo của Nhà nước có chặt chẽ hay cởi mở, dù dân làng giàu sang hay nghèo túng,... thì người được làng thờ làm thành hoàng vẫn không thay đổi, mà tồn tại mãi mãi, suốt từ đời này đến đời khác.

2. Để việc thờ thành hoàng được lưu truyền từ đời này sang đời khác, không bao giờ dứt, việc làm không thể thiếu được là phải soạn *thần tích* (còn gọi là *Thần phả* hay *Ngọc phả*).

Chúng tôi may mắn được đọc gần 200 bản *Thần tích* (hoặc *Thần phả*, hay *Ngọc phả*, *Phả lục*, *Sự tích*) của các làng thuộc tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang thì thấy chúng giống nhau và đều mang đậm phong cách của truyền thuyết. Sự giống nhau của các bản *Thần tích* thể hiện trên các điểm:

- Thành hoàng được sinh ra trong một gia đình có bố mẹ nghèo, ăn ở phúc đức, hay làm điều thiện nhưng có con muộn.

- Bà mẹ đi cầu tự, hoặc nằm mộng gặp thần nhân, hoặc ra đồng ướm chân vào vết chân thần, rồi về thụ thai, mang thai nhiều tháng hơn người bình thường.

- Đứa trẻ được sinh ra trong ánh sáng lạ hoặc hương thơm đặc biệt, có tướng mạo đặc biệt và mồ côi sớm; có sức khoẻ và có tài văn võ khác thường.

- Được nhà vua biết đến và được cử đi (hoặc xung phong) đi đánh giặc và giành được chiến thắng; được nhà vua phong thưởng.

- Vị tướng đó sau khi thắng trận, về thăm quê hương, gặp gỡ các vị phụ lão, tặng thưởng vàng bạc cho làng rồi hoá.

- Dân làng làm biểu tâu về triều đình. Triều đình cho lập đền thờ, cấp ruộng, để dân làng bốn mùa cúng tế.

- Thành hoàng hiển thánh, giúp vị tướng trong những lần chống giặc sau đó và cuộc chiến đấu nhờ đó giành thắng lợi.

- Các triều đại đều bao phong mỹ tự, ghi vào tự điển và phong là thượng đẳng hay trung đẳng thần, tuỳ theo công trạng của thành hoàng.

Các bản *Thần tích* cũng không quên ghi việc tổ chức tế thành hoàng vào ngày nào, kỵ húy chữ gì, kiêng cúng lễ vật gì, kiêng màu sắc gì...

Một số bản *Thần tích* có những chi tiết khác đôi chút, nhưng nhìn chung, về cơ bản, các *Thần tích* đều có chung cái cốt trên đây.

Về mặt văn bản, hầu như tất cả các bản *Thần tích* mà chúng tôi được đọc đều thấy ghi là soạn thảo vào năm Hồng Phúc nguyên niên và được sao lục nhiều lần vào cuối thời Lê và thời Nguyễn. Người soạn, sao lục *Thần tích* đều thấy ghi là Nguyễn Bính hoặc Nguyễn Hiền, hoặc Lê Tung.

3. Như trong *Thần tích* đã ghi và từ kết quả thu được của những cuộc đi thực tế về các làng cổ vùng đồng bằng sông Hồng và sông Thái Bình, chúng tôi được biết rằng, ở thời kỳ đầu, thành hoàng được thờ ở đền (hay miếu). Sau này vị đó được thờ cả ở đền và hậu cung đình làng. Vì là nơi thành hoàng ngự ở đó nên đền hay miếu và hậu cung đình làng, không ai cũng có thể tự do đến được; mặt khác, việc thờ tự thành hoàng là việc tối hệ trọng của làng, cần phải được thực hiện hàng ngày. Vì vậy, làng phải có một người chuyên trách làm việc sự thần. Người đó là ông Đám (còn gọi là cai Đám, quan Đám). Ông Đám được hưởng một số quyền lợi do làng quy định (như được cấy một số diện tích ruộng để phục vụ việc thờ cúng thành hoàng,...) nhưng ông ta cũng phải thực hiện một số điều kiêng kỵ hết sức chặt chẽ mà nếu vi phạm sẽ bị làng phạt rất nghiêm khắc (như trong suốt thời gian làm ông Đám, người đó không được gần gũi vợ, không được sờ mó vào vật uestap, ra ngoài trời không được đi chân đất, để đầu trần, không được đến các đám ma và ăn cỗ đám ma,...). Tìm hiểu tục kiêng kỵ của nông dân đồng bằng Bắc Bộ, chúng tôi thấy không có loại kiêng kỵ nào của làng Việt cổ lại chặt chẽ và nghiêm ngặt như đối với thành hoàng².

4. Như trên đã đề cập, chốn đình chung không phải ai cũng tự do đến được mà nơi đó chỉ dành cho một số đối tượng nhất định. Và chính những đối tượng đó cũng phải ngồi đúng vị trí của mình. Vị trí chỗ ngồi này được quy định bởi chức sắc, tuổi

tác. Chẳng hạn, cụ nhất và những người có phẩm hàm, bằng sắc thì ngồi ở gian giữa, ngay trước hương án đình; các cụ ở bàn hai và chức dịch thì ngồi ở hai gian bên, các người ở bàn ba thì ngồi ở hai gian bên tiếp theo,...). Từ đây tục khao lão xuất hiện và liên tục được duy trì (còn gọi là lên lão, trình lão). Hầu hết các làng Việt cổ mà chúng tôi đến tìm hiểu, người ta đều tổ chức khao lão 80, 90 tuổi. Theo truyền thống trọng lão, người càng cao tuổi, càng có vị trí trang trọng trong chốn đình chung, và phần cỗ của người đó cũng là nhiều nhất (Có lẽ vì vậy mà trong dân gian có câu “Đa thọ tắc đa nhục” - Nhiều tuổi ắt được nhiều thịt).

5. Tìm hiểu tín ngưỡng thờ thành hoàng của các làng Việt cổ vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ, chúng tôi thấy bên cạnh hiện tượng mỗi làng thờ một thành hoàng, còn có hiện tượng một số làng cùng thờ một thành hoàng (Chẳng hạn: các làng Bảo Thập, Cứu Sơn, Yên Việt, Hương Vinh, Hiệp Sơn - xã Đông Cứu huyện Gia Bình, làng Bút Thập xã Đình Tổ huyện Thuận Thành cùng thờ Lê Văn Thịnh; các làng: Đại Than, Tiểu Than, Bình Than, Phù Than, Văn Than, Đông Trung, Mỹ Lộc của tổng Vạn Ty cũ cũng thờ Cao Lỗ Vương; các làng Lũng Khê, Thanh Tương, Tam Á, Đề Cầu huyện Thuận Thành; làng Đại Trung huyện Tiên Du cùng thờ Sỹ Nhiếp...). Do có chung một thành hoàng, nên những làng đó kết chạ với nhau³. Từ tục kết chạ, các làng lại xuất hiện tục lệ đón rước, tiếp đãi chạ anh - chạ em và những phong tục giao tiếp, ứng xử, quan hệ giữa các thành viên của hai chạ.

6. Việc thờ cúng thành hoàng được làng tổ chức vào những ngày nhất định hàng năm mà *Thần tích* đã quy định. Nghi lễ thể hiện sự tôn nghiêm trong thờ cúng thành hoàng là các cuộc rước và tế. Trước ngày chính hội, làng tổ chức một đoàn người mang long ngai, bát bửu, chiêng chông, cờ quạt... từ đình đến đền để rước thành hoàng. Nếu nhiều làng cùng thờ một thành hoàng thì các làng phụ thuộc (làng em) phải rước long ngai, bát bửu... từ làng mình về làng chính (làng anh) để tế công đồng. Hết hội, dân làng lại rước thành hoàng từ đình về đền. Sở dĩ có hai cuộc rước là vì thành hoàng được thờ chính là ở đền, còn đình chỉ là nơi thờ vọng. Để ly kỳ hoá sự linh thiêng của thành hoàng làng mình, làng nào cũng có những truyền thuyết về sự khác thường của thời tiết hôm đó (chẳng hạn như: các làng xung quanh hôm đó đều có mưa - hay nắng to, chỉ duy có đám rước là trời dâm mát), hoặc sự quở phạt của thành hoàng đối với những ai dám có hành vi xúc phạm hay báng bổ ngài (chẳng hạn: có ai đó trong người không sạch sẽ đi trong đám rước, bỗng nhiên bị lăn ra bất tỉnh, hoặc ai đó chỉ tro, chê bai một chi tiết, một nghi lễ nào đó liền bị hộc máu mồm...).

Nghi lễ tế thành hoàng của làng là cả một chuỗi những quy định rất chặt chẽ của làng, từ khâu chọn người chủ tế, bồi tế, đông xướng, tây xướng, cho đến các động tác, cử chỉ, y phục,... của những người được tham gia cuộc tế và tuân tự các động tác của những người này trong cuộc tế. Làng cũng quy định trong cuộc tế, bắt đầu từ tiết mục “Khởi chinh cổ” cho đến “Tế tất” có bao nhiêu động tác, vị đông xướng xướng câu gì, vị chủ tế xướng câu gì, mỗi chức danh trong cuộc tế đứng ở đâu,... Tất cả những điều này đều được ghi chép tỷ mỉ trong điển lễ của làng.

7. Sau nghi lễ rước và tế thành hoàng là các cuộc thi, trò diễn, trò chơi dân gian. Các cuộc thi, trò diễn, trò chơi dân gian trong lễ hội bao giờ cũng có nội dung mô tả lại

sự tích hay chiến tích của thành hoàng. Địa điểm diễn ra các cuộc rước, tế và các trò diễn là đình và đền (hoặc miếu) của làng.

Mở đầu cho các cuộc thi là cuộc thi đọc *Mục lục*. Bài văn *Mục lục* có nội dung ca ngợi cuộc sống hoà mục và sự yêu nghề, sung túc của tứ dân, ca ngợi cảnh đẹp của làng và ngôi đình làng, được trình bày bằng thể phú, viết trên miếng lụa vàng đặt trên giá gỗ, trước hương án đình. Người dự thi đọc *Mục lục* phải ăn mặc chỉnh tề, có giọng tốt, biết ngừng, ngắt, lên giọng, xuống giọng đúng chỗ, đọc không vấp, không lỗi. Ban Giám khảo cuộc thi là những bô lão và những vị túc nho của làng. Tìm hiểu thực tế các làng cổ của tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi thấy rằng làng nào cũng có văn *Mục lục* và bài văn *Mục lục* của các làng có nội dung và kết cấu rất giống nhau, chỉ có độ dài, ngắn là có khác nhau một chút. Như vậy, việc viết văn *Mục lục* và thi đọc văn *Mục lục* trong dịp lễ hội là loại hình sinh hoạt văn hoá dân gian của làng và là nguồn gốc xuất hiện của nó từ tín ngưỡng thờ thành hoàng làng.

Sau cuộc thi đọc *Mục lục* là cuộc thi dệt vải, thi nấu cơm, thi làm bánh, thi bơi chải, thi đánh phết, thi kéo co, thi đá cầu, đánh vật, ... những cuộc thi này hầu hết có liên quan đến một giai đoạn nào đó trong cuộc đời của thành hoàng làng.

Hoạt động gây hào hứng nhất cho người dự hội là các trò diễn. Cũng như các cuộc thi, các trò diễn trong lễ hội của các làng là nhằm diễn tả lại một sự tích hay một chiến công nổi bật nào đó của thành hoàng. Nhưng cái khác của các trò diễn với các cuộc thi trong lễ hội là ở chỗ, nếu các cuộc thi có nội dung mô phỏng lại sự tích có liên quan đến thành hoàng một cách tượng trưng, ước lệ, thì các trò diễn lại diễn ra lại sự tích hay chiến công của thành hoàng tương đối cụ thể và sinh động hơn (thí dụ trò diễn đuổi bệt, trò diễn lộn tồng rồng của hội Tiểu Than, trò diễn múa rồng ở làng Đại Bái trước đây...)

Một số các loại hình văn nghệ dân gian tuy không trực tiếp liên quan đến tín ngưỡng thờ thành hoàng làng nhưng thường được diễn ra vào dịp hội làng, đó là các sinh hoạt hát dân ca (hát quan họ, trống quân, diễn chèo, tuồng, hát xoan,...) mà nội dung của những loại hình văn nghệ dân gian này là ca ngợi cuộc sống thanh bình, ca ngợi cảnh đẹp quê hương, tình yêu đôi lứa, ca ngợi những vị minh quân lương tướng của các thời, đề cao sự trinh bạch, thủy chung của người con gái,... Các loại hình văn nghệ dân gian này của các làng thường thường được tổ chức ở sân đình, sân đền - nơi thờ thành hoàng làng.

8. Do có tín ngưỡng thờ thành hoàng và có nơi thờ tự ngài - đó là ngôi đình và ngôi đền - mà tại các làng Việt có hoạt động văn hoá - hay hoạt động có tính văn học - rất độc đáo. Đó là hoạt động viết và thưởng thức giá trị nhiều mặt của các loại hoành phi, câu đối. Chúng tôi chưa được biết các nhà nghiên cứu văn học có xếp những sáng tác thể hiện những tình cảm yêu quý đối với làng quê một cách tinh tế và hàm súc, được viết bằng các ký tự khối vuông trên những tấm gỗ quý được sơn son thiếp vàng và chạm trổ những hoạ tiết trang trí rất nghệ thuật là văn học hay không, và nếu có thì xếp chúng vào loại hình văn học gì, dân gian hay bác học. Nhưng theo cách suy nghĩ của chúng tôi thì nghệ thuật sử dụng ngôn từ và cách sử dụng thủ pháp đối (đối từ, đối

ý, đối thanh) của các câu đối trong các ngôi đình, đền thờ thành hoàng thực sự có giá trị văn học và có thể xếp chúng vào bộ môn văn học dân gian. Vì sao? Vì mấy lẽ sau:

Một là, trong những lần đi thực tế về các làng cổ vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Thái Bình, chúng tôi được đọc gần 1000 câu đối trong các ngôi đình, đền thì thấy tất cả những đôi câu đối và những bức hoành phi đó đều có nội dung ca ngợi, đề cao đức độ, công trạng của vị thành hoàng làng hoặc là ca ngợi vẻ đẹp về mặt phong thủy của ngôi đình làng.

Hai là, mặc dù những đôi câu đối đó được các bậc đại khoa, các nhà nho viết ra bằng chữ Hán (hoặc chữ Nôm), dù họ viết theo lối triện, lệ, khải, hành hay thảo, dưới dạng đối thơ hay đối phú,... nhưng tất cả đều chỉ được lưu ở đình hay đền làng đó mà không chuyển hoành phi câu đối từ làng này sang làng khác và cũng không bao giờ phổ biến một cách rộng rãi.

Ba là, sáng tác câu đối và viết hoành phi không phải là công việc thường xuyên có tính chuyên nghiệp của nhà nho mà đó chỉ là công việc làm do sự nhờ cậy của làng hay của cá nhân ai đó⁴.

Từ những lẽ trên đây, chúng tôi mạo muội nghĩ rằng nội dung những đôi câu đối thờ thành hoàng làng là có giá trị văn học của bộ môn văn học dân gian.

9. Cũng xuất phát từ tín ngưỡng thờ thành hoàng mà ở một số làng vùng đồng bằng sông Hồng và sông Thái Bình có những câu thành ngữ và ca dao có liên quan đến thành hoàng và ngôi đình làng. Xin đơn cử một số câu tương đối phổ biến.

- *Chuông làng nào làng ấy đánh,*

Thánh làng nào làng ấy thờ.

- *Thứ nhất Văn Thai*

Thứ hai Ngọc Trì

- *Trống Chờ, chuông Chờ,*

Mỗ Phù Lưu.

- *Thứ nhất là đình Đông Khang,*

Thứ nhì Đình Bảng, về vang đình Diềm.

- *Ra đình ngả nón trông đình*

Đình bao nhiêu ngói thương tình bấy nhiêu.

Điều này cũng cho chúng ta biết thêm rằng, ngoài nguồn gốc từ lao động sản xuất và đấu tranh với các lực lượng tự nhiên, ca dao - tục ngữ còn được bắt nguồn từ vẻ đẹp của làng quê, trong đó có vẻ đẹp của ngôi đình làng.

10. Quan sát những bức chạm khắc trong các chi tiết kiến trúc của những ngôi đình, đền cổ vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Tây... ai cũng thấy những tác phẩm điêu khắc của các nghệ nhân dân gian mô tả hình tượng con rồng trên bờ nóc đình, trên các bức cốn, đầu dư, trên các cửa võng, diềm án thư, diềm bia,... Hình tượng rồng có mặt ở khắp mọi nơi trong các ngôi đình, ngôi đền chính là sự xác lập địa vị của thành hoàng đối với dân làng, bên cạnh tâm lý thiêng hoá người được dân làng phụng thờ.

Tâm lý muốn đề cao mức độ thiêng liêng của thành hoàng còn được các làng dựng bia *Hạ mã* trước cửa đình cửa đền và không quên dựng lên những câu chuyện ly kỳ về sự trừng phạt của thành hoàng đối với những ai dám chống lại quy định của làng.

11. Quy định của làng được ghi chép trong *Hương ước* (hay *Hương lệ*, *Khoán lệ*, *Khoán ước*, *Hương biên*), với nhiều điều khoản nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trong cộng đồng làng xã. Tại tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang (Hà Bắc cũ), chúng tôi được tiếp xúc với hơn 500 bản Hương ước cổ, trong đó đa số là Hương ước được biên soạn vào thời Nguyễn, một số biên soạn vào thời kỳ cải lương Hương chính (1927-1942), một số ít được biên soạn vào thời Lê (1705-1752). Tìm hiểu các bản Hương ước được biên soạn vào thời Lê và đầu thời Nguyễn, chúng tôi thấy số điều khoản có nội dung quy định về việc sự thần nhiều hơn những nội dung quy định về việc đánh cướp, về việc bảo vệ đồng điền, về việc xử phạt trai gái có hành vi “tiền dâm - hậu thú”,... Điều đó nói lên rằng, vào thời Lê, đầu Nguyễn, việc phụng thờ thành hoàng rất được cộng đồng làng xã coi trọng.

Cũng ở nhiều bản Hương ước cổ, chúng tôi đã thấy câu “thần linh chu diệt”, nếu có điều nào đó bị ai đó vi phạm. Làng Phù Lưu, xã Tân Hồng huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh, câu trên đây không những đã được ghi vào Hương ước mà năm 1798, Hội đồng Kỳ mục của làng còn khắc lên thân xà góc, nơi gần cửa hậu cung đình câu: “Từ nay nếu ai còn cho bọn thương gia đến ngụ ở trong đình thì thần thánh chu diệt”.

Chúng tôi nghĩ rằng những điều khoản trong *Hương ước* của các làng có ghi nhiều về nội dung sự thần là để thiêng hoá vai trò của thành hoàng và tín ngưỡng thờ thành hoàng làng. Có thể nói, đó cũng là một trong những nét đẹp trong phong tục của người Việt.

Trong thực tế, hầu như tất cả các phong tục tập quán và các loại hình văn hoá truyền thống trên đây của làng Việt cổ vùng đồng bằng sông Hồng và sông Thái Bình đều còn được bảo lưu về cơ bản, cũng như các nghi lễ, thể thức của tín ngưỡng thờ thành hoàng làng. Đây là một trong những vấn đề lý thú khi tìm hiểu làng Việt cổ ở đồng bằng sông Hồng và sông Thái Bình.

Từ những điều trình bày trên đây, chúng tôi có một số nhận thức bước đầu về mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ thành hoàng với sự tồn tại của phong tục tập quán và các loại hình sinh hoạt văn hoá truyền thống của làng như sau:

1. Để tránh thủy tai, hoặc do bị triều đình triệt hạ, hoặc do bị phiêu tán,... làng có thể phải di chuyển nơi cư trú, nhưng cơ cấu tổ chức của làng, đời sống tín ngưỡng, lối sống, nếp sống của các thành viên trong làng Việt cổ vùng đồng bằng sông Hồng và sông Thái Bình, về cơ bản là không thay đổi. Thực tế đó một phần do tâm lý làng xã quy định, nhưng tâm lý đó lại được củng cố nhờ có tín ngưỡng thờ thành hoàng làng.

2. Nhiều phong tục tập quán và sinh hoạt văn hoá truyền thống của làng tồn tại và phát triển xung quanh biểu tượng thiêng là thành hoàng làng và tín ngưỡng thờ thành hoàng. Vì vậy, khi xét chúng trong mối quan hệ với biểu tượng thành hoàng và

tín ngưỡng thờ thành hoàng, chúng là yếu tố phụ thuộc, yếu tố bị chi phối. Còn biểu tượng thành hoàng và tín ngưỡng thờ thành hoàng, xét trong mối quan hệ này là yếu tố chi phối. Tuy nhiên, phong tục tập quán và các loại hình văn hoá truyền thống của làng có tác động trở lại đối với việc củng cố đức tin đối với biểu tượng thành hoàng và tín ngưỡng thờ thành hoàng làng.

3. Xét về mặt tác dụng, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng là từ việc thiêng hoá một biểu tượng để từ đó làm chỗ dựa tinh thần và cũng là để quy tụ cộng đồng, xây dựng khối đại đoàn kết trong làng, giáo dục truyền thống “uống nước - nhớ nguồn” cho mỗi thành viên trong cộng đồng làng xã .

CHÚ THÍCH

¹ Những số cụ thể như sau:

- Huyện Võ Giàng (tỉnh Bắc Ninh) có các làng Vân Mẫu, Vân Hợp, Chu Mẫu, Lâm Dương, Phương Cầu, Miêu Nha, Đạo Chân, Thị Cầu, Đáp Cầu, Ngọc Đồi, Kim Đồi, Phú Xuân, Công Cội, Ngự Đại, Xuân Lôi, Đại Liên Thượng, Đại Liên Hạ, Cung Kiệm, Thông Thượng, Thông Hạ, Đồng Chuế, Việt Vân, Yên Ngõ, Vĩnh Thế, Quế Tân, Bằng Lâm, Xuân Thủy, Yên Lâm, Lạc Xá (nay thuộc huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh), Phúc Đức, Đỗ Xá, Cỏ Mễ, Đầu Hàn, Hữu Cháp, Xuân Đồng, Dương Ổ, Khúc Toại, Trà Xuyên, Quả Cảm, Vạn Phúc, Tiên Trà, Xuân Thụ, Yên Thịnh, Viêm Xá, Châm Khê, Đào Thôn, Bùi Thôn (nay thuộc TP Bắc Ninh).
- Huyện Quế Dương: Dũng Quyết, Đồng Tế, Yên Trạch, Yên Định, Hiền Lương, Phù Lương, Vệ Xá, Phong Cốc (nay thuộc huyện Quế Võ).
- Huyện Gia Bình có các làng: Xuân Lai, Phúc Lai, Cấn Tu, Định Cương, Phú Mai, Tư Mai.
- Huyện Tiên Du có các làng: Lũng Sơn, Nội Duệ Đông, Vĩnh Ninh, Nội Duệ Bao, Dương Húc.
- Huyện Đông Ngàn có các làng: Lễ Xuyên, Tam Lư, Vĩnh Kiều, Phúc Tinh, Phù Khê, Dương Sơn, Yên Từ, Vân Diêm, Hà Hựu, Trùng Quán, Lã Côi, Quan Đình, Phù Lưu, Yên Lã.
- Huyện Yên Phong có các làng: Đào Xá, Nghiêm Xá, Phương La Đông, Thọ My, Phương La Đoài, Diên Lộc, Nội Trà, Phù Lưu, Trần Xá, Chính Trung, Đông Xuyên, Dũng Liệt, Yên Tân, Xuân Phương, Yên Phụ, Yên Phụ Hậu, Vọng Đông, Như Nguyệt, Phù Cầm, Đại Lâm.
- Huyện Yên Lãng có các làng: Thịnh Kỳ, An Lão, Phú Mỹ, Bạch Định, Quan Đài, Đàm Nội.
- Huyện Kim Anh: Kim Tiến, Bảo Tháp, Ngọc Trì, Bạch Đa, Yên Phú, Hương Gia, Thụy Hương, Khả Do, Phù Mễ, Xuân Phương, Chi Thôn, Nam Viên, Xuân Kỳ, Xa Lý, Phù Lỗ Đông, Phù Lỗ Đoài, Bắc Đà, Phù Xá Đoài, Thanh Nhàn, Gia Thượng xã Trung Thôn, Gia Trung, Ninh Bắc, Thạch Lỗi, Chi Trung, Gia Lạc, Đông Thu, Gia Thượng.
- Huyện Đông Anh: Thụy Hà, Thư Lâm, Trầm Khê, Viên Khê, Lâm Tiên, Đào Thúc, Chu Lão, Xuân Nộn, Khê Nữ.
- Phù Đa Phúc: Trung Dã, Hạ Dã, Bình Kỳ, Bình An, Đô Tân, Lai Sơn, Nam Lý, Cốc Lương, Phúc Lộc, Yên Sào, Mễ Tảo, Tăng Long, Tri Cáo, Vọng Cao, Vệ Sơn, Yên Lạc, Ninh Liệt, Phổ Lộng, Loan Thôn, Phổ Lộng Trung, Phổ Lộng Chùa, Yên Tàng, Cốc Lương, Hiệu Trân, Đông Tân, Lương Phú, Bắc Vọng, Đức Hậu, Ngõ Đạo, Đông Đạo, Xuân Lai, Xuân Dương, Thu Thủy, Kim Lũ Thượng, Kim Lũ Trung, Kim Lũ Hạ, Lai Cách, Ngọc Hà, Diên Lộc, Xuân Áng, Đại Áng, Đan Tảo, Tiên Tảo, Cầm Hà, Yên Phú.
- Huyện Yên Dũng và Việt Yên: Phượng Nhỡn, Trí Yên, Đình Uyên, Châu Xuyên, Đình Trì, Lão Hộ, Thiếp Trì, Dã Thượng, Văn Khê, Ninh Xuyên, Thụy Ninh, Mật Ninh, Mai Vũ, Khả Lý, Liên Hộ, Hành Quân, Cộng Khánh, Cao Lôi, Văn Ninh, Yên Ninh, Dụ Quang, Tăng Quang, Việt Yên, Ngọc Cục, Trà Thôn, Mỗ Thôn, Đình Thôn, Ngọc Lý, Mỗ Thổ, Tự Lạn, Hương Lạn, Nội Hoàng, An Khê, Hương Mai, Ngũ Phúc, Lạc Khổng, Lý Viên, Nông Vụ, Bắc Lý, Hợp Hoà, Mai Xá, Thị Thượng, Tiên Lát Thượng, Tiên Lát Hạ, Tảo Lát, Tiên Lát, Yên Viên, Thần Chúc, Lương Tài, Phù Tài, Giá Sơn, Hữu Nghị, Mai Đường, Đạo Ngạn, Nam Ngạn, Chu Xá, Đông Tiến, Quang Biều, Phúc Ninh, Ninh Động, Nội Ninh, Yên Hoạt, Yên Tập, Khắc Lư, Long Xá, Đa Thịnh, Thạch Thôn, Thắng Cương, Bích Động, Nhâm Nghiêm, Thuần Lương.
- Huyện Hiệp Hoà: Mai Thượng, Tiểu Mai, Trầu Lỗ, Xuân Biều, Cầm Hoàng, Cầm Xuyên, Trung Định, Cầm Bao, Trung Thiết, Mai Phong, Gia Hội, Gia Cát, Đại Mão, Minh Định, Văn Phú, Vân Trai, Phú Cốc, Phú Cốc thôn, Hữu Định, Ninh Tào, Lai Cốc, Hương Ninh, Hương Gián, Tân Mãn, Tiên Sơn, Hà Châu, Chung Tân, Văn Phú, Văn Xuyên, Tiểu Lễ, Thanh Trà, Đông Lâm, Xuân Ổ, Thượng Dã, Phù Đào, Kim Tinh.
- Tỉnh Hà Nội: Phúc Lộc, Đông Hà, Trà Thị, Nam Đô, Phù Hương, Trinh Nữ, Cầm La.
- Huyện Phúc Thọ có các làng: Phù Vong, Bảo Vệ.

² Xin xem Nguyễn Quang Khải, *Tập tục và kiêng kỵ*, NXB Văn hoá Dân tộc, H.2001, tr 12 - 21

³ Tục kết chạ giữa làng này với làng kia là do nhiều lý do khác nhau. Việc kết chạ giữa một số làng trên cơ sở cùng thờ một thành hoàng chỉ là một trong những lý do đó.

⁴ Xin đơn cử một số đôi câu đối:

* Một số đôi câu đối ở đình làng Tiểu Than, xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- 1 - Mộng nhiều long sàng chiêm thánh thuy,
- Cơ thành quy nỗ hiển thần uy.
 - 2 - Quy trảo dực thần cơ, Thục xã đại doanh thủy vũ trụ,
- Long tinh chung thánh hoá, Loa thành chính khí tráng sơn hà.
 - 3 - Nhất thời bí quyết nhưng truyền Thục,
- Lịch đại gia phong bất độc Đường
 - 4 - Nhất phiên đan tâm huyền nhật nguyệt,
- Thiên thu hạo sáng chấn sơn hà.
 - 5 - Doanh chấn Loa thành chiêu thánh tích,
- Linh dương quy nỗ hách thần uy.
- * Một số đôi câu đối ở đình làng Phú Văn, xã Phù Hoà, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
- 1 - Lập Tồn sùng đài tiêu Bắc địa,
- Phù Đình chính thống khai Nam thiên.
 - 2 - Càn hướng linh từ chung tú khí,
- Đình triều thần vũ hách uy thanh.
 - 3 - Hương tích chung anh chiêm thánh thuy,
- Hoa Lư tá mệnh hiển thần công.
- v.v...